

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦN GIUỘC  
TỈNH LONG AN**

Số: 03/2022/QĐST-VHN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cần Giuộc, ngày 04 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN**

**V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN**

***Thành phần giải quyết việc hôn nhân gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Trần Phương Thảo
- *Thư ký phiên họp:* Ông Cao Chánh Nhật – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên họp:* Bà Phan Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân thụ lý số: 292/2022/TLST-VHN ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp số: 01/2022/QĐST-VHN ngày 23 tháng 6 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau:

*Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân:* Ông Nguyễn Thái T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện G, tỉnh A; Có mặt

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đoàn Thị Út H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn S, huyện M, Thành phố N; Vắng mặt
2. Bà Đoàn Thị Út C, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện G, tỉnh A; Có mặt
4. Anh Nguyễn Thái V, sinh năm 1998; Vắng mặt
5. Anh Nguyễn Hoàn N, sinh năm 2003; Vắng mặt
6. Em Nguyễn Hữu L, sinh năm 2013; Vắng mặt
3. Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh A; địa chỉ: ấp Lũy, xã L, huyện G, tỉnh A. Vắng mặt

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

*Trong đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và tại phiên họp, ông Nguyễn Thái T trình bày:*

Vào năm 1997, ông Nguyễn Thái T và bà Đoàn Thị Út C, sinh năm 1977 tổ chức lễ cưới và chung sống như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, ông T và bà Út C có 03 người con chung là Nguyễn Thái V, sinh năm 1998; Nguyễn Hoàn N, sinh năm 2003 và Nguyễn Hữu L, sinh năm 2013. Tuy nhiên, khi tiến hành đăng ký giấy khai sinh cho con chung, do thời điểm đó bà Đoàn Thị Út C chưa có giấy khai sinh, chưa có giấy chứng minh nhân dân nên đã lấy giấy khai sinh của em ruột tên Đoàn Thị Út H sinh năm 1980 để đăng ký khai sinh cho con Nguyễn Thái V, Nguyễn Hoàn N và Nguyễn Hữu L có cha là Nguyễn Thái T và mẹ là Đoàn Thị Út H. Đến năm 2009, bà Đoàn Thị Út C sử dụng giấy chứng minh nhân dân mang tên Đoàn Thị Út H cùng ông Nguyễn Thái T đến Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh A để đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 170/2009 ngày 31/12/2009. Nhưng hôn nhân thực tế là giữa ông Nguyễn Thái T và bà Đoàn Thị Út C. Ông T nghĩ rằng bà Út C có tên trong giấy khai sinh và chứng minh nhân dân là Đoàn Thị Út H, sau này ông T mới biết. Nên nay ông T đề nghị Toà án hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông T với bà Đoàn Thị Út H. Về phần con chung và tài sản chung thì ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ việc này. Ông T và bà Hai cũng không có tài sản chung, nợ chung.

*Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên họp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Út C trình bày:* Trước đây, bà Út C chưa được cha mẹ làm giấy khai sinh nên bà Út C cùng bà Út H dùng chung giấy khai sinh. Sau này, khi làm chứng minh nhân dân cũng chỉ có làm cho bà Đoàn Thị Út H là em gái ruột của bà. Sau này, bà Út C kết hôn với ông Nguyễn Thái T và có 03 con chung, do không có giấy tờ nhân thân nên bà Út C sử dụng giấy tờ nhân thân của em gái Đoàn Thị Út H để khai sinh cho các con, đồng thời đi đăng ký kết hôn với Nguyễn Thái T. Hiện nay, bà đã làm giấy khai sinh và căn cước công dân riêng cho bà là Đoàn Thị Út C. Do đó, bà cũng thống nhất với yêu cầu của ông T. Về con chung giữa bà và ông T thì bà không có yêu cầu trong vụ việc này, sau này khi có đủ chi phí bà sẽ yêu cầu sau.

*Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Út H trình bày:* Ông Nguyễn Thái T kết hôn với bà Đoàn Thị Út C, sinh năm 1977, là chị ruột của bà Hai, nhưng thời điểm hai bên đi đăng ký kết hôn thì bà Đoàn Thị Út C mượn chứng minh nhân dân mang tên của bà là Đoàn Thị Út H để đăng ký nên giấy chứng nhận kết hôn số 170/2009 ngày 31/12/2009 của Ủy ban nhân dân xã Phước Lại thể hiện họ tên chồng là Nguyễn Thái T và họ tên vợ là Đoàn Thị Út H. Hiện nay, bà Hai đang sinh sống ở Hà Nội, bà Hai cũng đề nghị Toà án hủy kết hôn giữa bà Hai với ông Nguyễn Thái T vì bà Hai thực tế không kết

hôn, không chung sống với ông Nguyễn Thái T. Đối với Nguyễn Thái V, sinh năm 1998; Nguyễn Hoàn N, sinh năm 2003 và Nguyễn Hữu L, sinh năm 2013 là con chung của bà Đoàn Thị Út H với ông Nguyễn Thái T nên bà Hai không có yêu cầu gì trong vụ án này. Bà Hai và ông T cũng không có tài sản chung, nợ chung.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thái V và anh Nguyễn Hoàn N không có yêu cầu.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên họp giải quyết việc dân sự Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 234, 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Toà án nhân dân huyện Cần Giuộc áp dụng Điều 10, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thái T, hủy hết hôn trái pháp luật giữa ông Nguyễn Thái T với bà Đoàn Thị Út H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự, được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn yêu cầu, ông Nguyễn Thái T yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Nguyễn Thái T với bà Đoàn Thị Út H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu của ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cần Giuộc.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của đương sự thì ông Nguyễn Thái T có quan hệ hôn nhân với bà Đoàn Thị Út C. Tuy nhiên, bà Đoàn Thị Út C sử dụng giấy chứng minh nhân dân mang họ tên Đoàn Thị Út H là em ruột của bà Út C để đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Thái T. Do đó, Giấy chứng nhận kết hôn số 170/2009 ngày 31/12/2009 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh A cấp cho ông Nguyễn Thái T và bà Đoàn Thị Út H là không đúng. Do vậy, ông T và bà Hai đều đồng ý hủy kết hôn giữa ông bà theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 170/2009 ngày 31/12/2009 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh A cấp. Xét thấy, việc kết hôn giữa bà Đoàn Thị Út H và ông Nguyễn Thái T là không tự nguyện, vi phạm điều kiện kết hôn tại điểm b

khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ Điều 10, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có đủ căn cứ chấp nhận đơn yêu cầu của ông Nguyễn Thái T về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật với bà Đoàn Thị Út H.

Về con chung: Nguyễn Thái V, sinh năm 1998; Nguyễn Hoàn N, sinh năm 2003 và Nguyễn Hữu L, sinh năm 2013, các bên đều xác định là con chung của bà Đoàn Thị Út C với ông Nguyễn Thái T. Tuy nhiên, các bên không có yêu cầu, do đó Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: ông Nguyễn Thái T và bà Đoàn Thị Ngọc Hai xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên họp về giải quyết việc hôn nhân là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về lệ phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Thái T phải chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân theo quy định tại Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39, các Điều 369, 370 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng vào Điều 10, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố:

**1. Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Nguyễn Thái T.**

Hủy kết hôn trái pháp luật theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 170/2009 ngày 31/12/2009 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh A cấp ông Nguyễn Thái T và bà Đoàn Thị Út H. Ông Nguyễn Thái T và bà Đoàn Thị Út H chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

**2. Về lệ phí:** Ông Nguyễn Thái T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân sung vào công quỹ Nhà nước. Khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng lệ phí giải quyết việc hôn nhân ông Nguyễn Thái T đã nộp theo biên lai thu số 0013360 ngày 19/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc sang thi hành lệ phí.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 (mười) ngày, tính từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- UBND xã Phước Lại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tại Tòa án.

**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP**

**Trần Phương Thảo**